TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN A** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập –Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 222/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 27/6/2023.
V/v "Tranh chấp hôn nhân gia đình, ly hôn, nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A - TỈNH AN GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thảo Ngân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Thành Chúng;

2. Ông Phan Phước Tân.

- *Thư ký ghi biên bản*: Ông Nguyễn Hoàn Mỹ – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh An Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:* Ông Chau San – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện A mở xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 145/2023/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 3 năm 2023 về việc "*Tranh chấp hôn nhân gia đình, ly hôn, nuôi con chung"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 158/2023/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 5 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 210/2023/QĐST-HNGĐ ngày 06/6/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Khưu Thanh C, sinh năm 1997; cư trú: Số nhà 605B, khóm T, thị trấn A, huyện A, tỉnh An Giang;

Bị đơn: Ông Huỳnh Tú N, sinh năm 1999; cư trú: Tổ 23, ấp B, xã V, huyện A, tỉnh An Giang.

Tại phiên tòa bà C có mặt; ông N vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai cùng các tài liệu kèm theo và quá trình tố tụng bà Khưu Thanh C trình bày:

Về hôn nhân: Bà và ông N là do tự tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới năm 2019 và đăng ký kết hôn vào năm 2020 tại Ủy ban nhân dân thị trấn A, huyện A, tỉnh An Giang.

Sau khi kết hôn bà về chung sống với gia đình chồng tại ấp B, xã V, huyện A, tỉnh An Giang. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến đầu năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do ông N ham chơi, không quan tâm chăm lo cho gia đình, vợ chồng bất đồng quan điểm, điều đó dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống gia đình. Vào khoảng tháng 2/2022, do mâu thuẫn gia đình ngày càng nghiên trọng, không thể hàn gắn, bà C đã chuyển về nhà mẹ ruột sống tại số nhà 605B, khóm An Hưng, thị trấn A, huyện A, tỉnh An Giang từ đó cho đến nay. Nhận thấy tình cảm dành cho ông N không còn, đời sống vợ chồng không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông N.

Về con chung: Có 01 (một) con chung tên Huỳnh Thiên H, sinh ngày 19/11/2020. Hiện nay cháu H đang sống cùng bà C, khi ly hôn bà C yêu cầu được nuôi dạy con chung và không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà yêu cầu không tiến hành hòa giải tình cảm mà đưa vụ án ra xét xử do bà kiên quyết ly hôn, không còn tình cảm với ông N.

Về tài liệu chứng cứ: Các tài liệu chứng cứ các đương sự giao nộp đã được thẩm tra và công khai trong quá trình hòa giải, các đương sự không có ý kiến gì về các tài liệu chứng cứ và tại phiên tòa không ai giao nộp bổ sung thêm tài liệu chứng cứ khác.

Trong quá trình thụ lý, hòa giải Tòa án đã tiến hành cấp tống đạt cho ông N theo quy định nhưng ông vẫn không có mặt theo các thông báo của Tòa án. Tòa án tiến hành xác minh nơi cư trú và tình trạng hôn nhân của ông N và bà C để giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Chứng cứ mà Tòa án thu thập được:

Về nơi cư trú: Theo Thông báo số định danh và thông tin cá nhân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và Biên bản xác minh của Công an xã V cung cấp ngày 16/5/2023 xác định ông Huỳnh Tú N vẫn đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ 23, ấp B, xã V, huyện A, tỉnh An Giang. Là con ông Huỳnh Văn D và bà Nguyễn Thị Thúy H cùng địa chỉ cư trú, ông N vẫn còn nhà cửa tại địa phương nhưng đi làm xa không ở nhà, thỉnh thoảng về địa phương vào các dịp lễ, tết.

Về mâu thuẫn hôn nhân: Bà Lê Thị M – mẹ ruột bà C cho biết hôn nhân đúng như bà C trình bày. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông N ham chơi, không quan tâm chăm lo cho gia đình, vợ chồng bất đồng quan điểm dẫn đến thường xuyên cãi nhau, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống. Vào khoảng tháng 2/2022, do mâu thuẫn ngày càng nghiêm trọng, không thể hàn gắn, bà C đã về sống với bà tại số nhà 605B, khóm T, thị trấn A, huyện A, tỉnh An Giang cho đến nay. Ông bà có 01 con chung hiện nay đang sống cùng bà C. Nay bà C nhận thấy không còn tình cảm nên xin ly hôn với ông N thì bà không có ý kiến, để ông bà tự quyết định.

Tại phiên tòa, bà C có mặt và bảo lưu ý kiến, riêng ông N đã được triệu tập hợp lệ lần hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt ông theo thủ tục chung.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát về tuân thủ pháp luật của Thẩm phán trong ghi lời khai, thủ tục xét xử vắng mặt, xác định quan hệ tranh chấp, tư cách người tham gia tố tụng… là hoàn toàn phù hợp với pháp luật tố tụng dân sự. Đối với thành phần Hội đồng xét xử không có thành viên nào thuộc đối tượng phải thay đổi, việc xét hỏi tại phiên tòa, thời hạn xét xử cũng như thủ tục xét xử vắng mặt được đảm bảo.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát về nội dung: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Bà C chung sống với ông N đến đầu năm 2022 thì không còn hạnh phúc nên bà khởi kiện yêu cầu được ly hôn và nuôi con chung, Tòa án thụ lý vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc ly hôn, nuôi con chung là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Ông N hiện có địa chỉ cư trú tại xã V, huyện A, tỉnh An Giang. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện A, An Giang.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Khưu Thanh C, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[3.1] Về hôn nhân: Bà C và ông N xây dựng gia đình dựa trên sự tự nguyện, tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn A, huyện A, tỉnh An Giang vào ngày 05/11/2020 nên phát sinh trách nhiệm pháp lý, phát sinh quyền

và nghĩa vụ của các bên và được pháp luật bảo vệ theo Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Mặc dù Tòa án đã động viên và hòa giải nhưng bà C vẫn cương quyết xin được ly hôn với ông N. Ông N nhận được các thông báo của Tòa án nhưng không đến thể hiện việc bỏ mặc không có ý định hàn gắn tình cảm với bà C.

Tại phiên tòa hôm nay bà C vẫn kiên quyết ly hôn và không thể quay lại chung sống với ông N. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn ông bà phát sinh từ đầu năm 2022 đến nay cả hai không có giải pháp hàn gắn, gia đình hai bên để ông bà tự quyết định và nhìn nhận mâu thuẫn của ông bà dù có quay lại ông bà chung sống cũng không hạnh phúc.

Bà C cho rằng nguyên nhân xin ly hôn là do ông N ham chơi, không quan tâm chăm lo cho gia đình, vợ chồng bất đồng quan điểm dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống gia đình. Mâu thuẫn vợ chồng ông bà phù hợp với lời trình bày của bà Lê Thị M là mẹ ruột của bà C. Xét thấy mâu thuẫn của ông bà là trầm trọng, không thể hàn gắn nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3.2] Về con chung: Trong quá trình chung sống có 01 (một) con chung tên Huỳnh Thiên H, sinh ngày 19/11/2020, hiện đang sống với bà C. Khi ly hôn bà C yêu cầu được nuôi dạy con chung và không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, từ khi ly thân đến nay, cháu H do bà C nuôi dạy, chăm sóc, tình cảm mẹ - con gắn bó, việc thay đổi chỗ ở, hoàn cảnh sống đột ngột sẽ ảnh hưởng đến tâm sinh lý và sự phát triển của cháu sau này. Quan trọng hơn, cháu H hiện chưa đủ 36 tháng tuổi nên việc tiếp tục giao con chung cho bà C nuôi dưỡng là phù hợp với hoàn cảnh hiện tại và quy định của pháp luật.

[3.3] Về cấp dưỡng: Theo quy định của pháp luật, khi ly hôn bên không nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên, bà C không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử công nhận sự tự nguyện của bà.

Hội đồng xét xử giải thích cho các đương sự biết: Bà C cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông N trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[3.4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà C không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Bà C là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm. Các đương sự không phải chịu án phí nào khác.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 4 Điều 147, các Điều 227, 228, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 27, Nghị quyết số 326/2016 UBTVQH 14, ngày 30/12/2016;

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Khưu Thanh C.

1. Về hôn nhân: Bà Khưu Thanh C được ly hôn với ông Huỳnh Tú N.

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 76 ngày 05/11/2020 của Ủy ban nhân dân thị trấn A, huyện A, tỉnh An Giang mang tên ông Huỳnh Tú N và bà Khưu Thanh C không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Bà Khưu Thanh C được tiếp tục nuôi dạy một con chung tên Huỳnh Thiên H, sinh ngày 19/11/2020. Công nhận sự tự nguyện của bà C không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con

Bà C cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông N trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

3. Về án phí: Bà Khưu Thanh C phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được chuyển từ tiền tạm ứng án phí theo biên lại thu số 0008207 ngày 05/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A (bà C nộp đủ). Các đương sự không phải chịu án phí nào khác.

4. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 27/6/2023), thời hạn kháng cáo của bà C và ông N được tính kể từ ngày tống đạt hoặc niêm yết bản án tại nơi cư trú.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

***Nơi nhận**:*
- TAT;
- VKSH;
- THAH;
- Các đương sự;
- UBND xã;
- Lưu vp;
- Lưu hs.